**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

(*Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT*)

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GD & ĐT ĐĂK LĂK  **TRƯỜNG THPT NGUYỄN TẤT THÀNH** | **Họ và tên giáo viên: Đặng Hoàng Thanh Phương** |

# **CHỦ ĐỀ 7. THÔNG TIN NGHỀ NGHIỆP**

**HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO CHỦ ĐỀ**

**HOẠT ĐỘNG 2: KHÁM PHÁ ĐẶC TRƯNG, YÊU CẦU CỦA CÁC NHÓM NGHỀ CƠ BẢN**

**Môn học/Hoạt động giáo dục: TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP; lớp:11**

**Thời gian thực hiện: (01 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

* Học sinh chỉ ra được đặc trưng từng nhóm nghề trong xã hội theo danh mục nhóm nghề cơ bản.
* Học sinh xác định được yêu cầu từng nhóm nghề trong xã hội theo danh mục nhóm nghề cơ bản.

**2. Năng lực:**

* ***Năng lực chung:***
* *Năng lực tự chủ và tự học:* Tự tìm hiểu những thông tin về đặc trưng, yêu cầu cơ bản của các nhóm nghề .
* *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Trao đổi, thảo luận và chia sẻ thông tin về đặc trưng yêu cầu của từng nhóm nghềcơ bản .
* *Giải quyết vấn đề sáng tạo*: Phân tích và giải quyết được những tình huống nảy sinh trong quá trình tìm hiểu những thông tin về đặc trưng, yêu cầu cơ bản của các nhóm nghề .
* ***Năng lực riêng:***
* *Thiết kế và tổ chức hoạt động* : Chỉ ra được đặc trưng, yêu cầu của từng nhóm nghề;

**3. Phẩm chất:**

* *Nhân ái:* Sẵn lòng giúp đỡ, hỗ trợ các bạn trong quá trình tham gia các hoạt động
* *Trung thực:* Mạnh dạn, thẳng thắn chia sẻ ý kiến của bản thân trong hoạt động nhóm, tọa đàm.
* *Trách nhiệm:* Thể hiện trong việc chủ động tìm hiểu khám phá đặc trưng, yêu cầu của các nhóm nghề cơ bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. **Đối với giáo viên**

* SGK, SGV, Giáo án *Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 11*.
* *Tìm hiểu thông tư số 26/2020, TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về các ngành, nghề đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng.*
* Tìm hiểu website về các nhóm nghề để giới thiệu cho HS.

1. **Đối với học sinh**

* Tìm cách hiểu trước thông tin về nhóm nghề quan tâm trên các website liên quan hoặc tham quan các cơ sở, gặp gỡ trao đổi với người lao động trong lĩnh vực đó.
* Giấy A0, A4, bút dạ, băng dính/ nam châm dính bảng.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế thoải mái, hứng thú, hào hứng trước khi vào nội dung hoạt động.

**b. Nội dung:** GV tổ chức cho HS chơi trò chơi **“Đuổi hình bắt chữ ”.**

**c. Sản phẩm:** HS tham gia trò chơi theo nhóm và đoán được tên nghề.

- Bộ đội

- Kỹ sư

- Giáo viên

- Tài xế

- Thư ký

- Họa sĩ

- Đầu bếp

- Phi công

- Kế toán

- Khảo cổ

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:** chơi trò **“ Đuổi hình bắt chữ ”.**

- GV phổ biến cách chơi và luật chơi:

+ Cách chơi: Lớp học được chia thành 6 nhóm, trả lời bằng hình thức dơ tay .Đội nào nhanh nhất và đoán đúng được 10 điểm. Nếu trả lời sai, bị mất lượt và nhường cho các đội còn lại.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- Giáo viên tổ chức cho HS chơi trò chơi**.**

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện HS trả lời.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- Kết thúc trò chơi, giáo viên công bố điểm cho nhóm thắng cuộc và dẫn dắt vào nội dung hoạt động của chủ đề 7 – Hoạt động 2 – **Khám phá đặc trưng, yêu cầu của các nhóm nghề cơ bản.**

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 2. Khám phá đặc trưng, yêu cầu của các nhóm nghề cơ bản.**

**a. Mục tiêu:** Sau hoạt động, Học sinh có khả năng:

* Khám phá đặc trưng của các nhóm nghề cơ bản trong xã hội hiện nay.
* Xác định yêu cầu của các nhóm nghề cơ bản trong xã hội hiện nay.

**b. Nội dung:** GV tổ chức HS đánh giá về sự phù hợp của bản thân với nhóm nghề, nghề lựa chọn thông qua các nhiệm vụ:

* 1. Khám phá đặc trưng của các nhóm nghề cơ bản trong xã hội hiện nay.
* 2. Xác định yêu cầu của các nhóm nghề cơ bản trong xã hội hiện nay.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của Học sinh về khám phá đặc trưng, yêu cầu của các nhóm nghề cơ bản.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1: Thảo luận, chia sẻ về đặc trưng của từng nhóm nghề trong xã hội theo danh mục nhóm nghề đã lập ở Hoạt động 1**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **-**  GV chia HS cả lớp thành 6 nhóm.  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và thảo luận nhóm. Sử dụng kỹ thuật dạy học khăn trải bàn tìm hiểu về đặc trưng của từng nhóm nghề đã lập ở hoạt động 1 (Phân loại nhóm nghề về đặc điểm, tính chất công việc theo Lí thuyết về nghề nghiệp của Jonh Lewis Holland).  Mỗi nhóm tìm hiểu đặc trưng của từng nhóm nghề về tính chất công việc, môi trường lao động, trang phục, phương tiện, dụng cụ lao động cụ thể:  + Nhóm 1 tìm hiểu đặc trưng của nhóm nghề nghiên cứu.  + Nhóm 2 tìm hiểu đặc trưng của nhóm nghề nghệ thuật.  + Nhóm 3 tìm hiểu đặc trưng của nhóm nghề xã hội.  + Nhóm 4 tìm hiểu đặc trưng của nhóm nghề kĩ thuật.  + Nhóm 5 tìm hiểu đặc trưng của nhóm nghề nghiệp vụ.  + Nhóm 6 tìm hiểu đặc trưng của nhóm nghề quản lý.  - Cá nhân hoàn thành nội dung tại các góc theo định hướng trên khăn.(3 phút )  - Xoay khăn góp ý, thảo luận (2 phút )  - Chốt nội dung (5 phút )  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS chủ động, tích cực hoạt động cá nhân và tập thể để chia sẻ về đặc trưng của từng nhóm nghề trong xã hội theo danh mục nhóm nghề đã lập hoạt động 1.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp.  - GV mời nhóm khác bổ sung ý kiến, nhận xét (nếu có).  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá và tổng kết theo từng nhóm.  ***Nhiệm vụ 2:* *Xác định yêu cầu của từng nhóm nghề trên***  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV tổ chức cho học sinh chơi trò chơi **“lật mảnh ghép”** để tìm hiểu yêu cầu của từng nhóm nghề và tìm ra từ khoá.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS chủ động, tích cực tham gia trò chơi để tìm hiểu thông tin, yêu cầu của từng nhóm nghề và tìm từ khoá.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **-** HS tích cực nêu yêu cầu của từng nhóm nghề.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá và tổng kết.  - Gv chốt kiến thức yêu cầu của nhóm nghề dựa trên tính chất công việc. | **2. Khám phá đặc trưng, yêu cầu của các nhóm nghề cơ bản**  **2.1. Thảo luận, chia sẻ về đặc trưng của từng nhóm nghề trong xã hội theo danh mục nhóm nghề đã lập ở Hoạt động 1**   |  |  | | --- | --- | | **NHÓM NGHỀ: …………….** | | | Tên một số nghề |  | | Đặc trưng về tính chất công việc |  | | Môi trường lao động |  | | Trang phục |  | | Phương tiện, công cụ lao động |  |  |  |  | | --- | --- | | **NHÓM NGHỀ: Nghệ thuật** | | | Tên một số nghề | Ca sĩ, diễn viên, họa sĩ,... | | Đặc trưng về tính chất công việc | Sáng tạo, thể hiện cảm xúc và tư duy sáng tạo qua nghệ thuật và sáng tác | | Môi trường lao động | Thường là không gian sáng tạo, mở và thúc đẩy tư duy sáng tạo. | | Trang phục | Cá nhân hóa, phản ánh cá tính và phong cách riêng | | Phương tiện, công cụ lao động | Bút, bảng vẽ, máy ảnh, dụng cụ làm việc sáng tạo |   ***2.2. Xác định yêu cầu của từng nhóm nghề trên***   |  |  | | --- | --- | | **YÊU CẦU CỦA NHÓM NGHỀ DỰA TRÊN TÍNH CHẤT CÔNG VIỆC ( Hollands)** | | | **Nhóm nghề kĩ thuật** | Yêu cầu của nhóm nghề này là có các kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề, bao gồm khả năng đọc và hiểu các bản vẽ kỹ thuật, tìm kiếm giải pháp cho các vấn đề kỹ thuật phức tạp và đưa ra quyết định có tính toàn vẹn cho thiết kế và sản xuất | | **Nhóm nghề nghiên cứu** | Công việc đòi hỏi năng lực tư duy chính xác, tỉ mỉ. | | **Nhóm nghề nghệ thuật** | Công việc đòi hỏi trí tưởng tượng, óc sáng tạo và trực giác. | | **Nhóm nghề xã hội** | Công việc đòi hỏi năng lực giao tiếp, ứng | | **Nhóm nghề quản lí** | đòi hỏi trí tuệ, khả năng lãnh đạo, khả năng làm việc độc lập và tự quyết định | | **Nhóm nghề nghiệp vụ** | Trung thực, kiên trì, thành thạo tin học văn phòng, làm việc nhóm tốt, tư duy nhanh, nhạy bén |   \* Mỗi nhóm nghề có những đặc trưng, yêu cầu cụ thể, thù hợp với từng ngành nghề. Việc xác định đặc trưng, yêu cầu của từng nhóm nghề giúp chúng ta hiểu rõ hơn về các nghề nghiệp cơ bản. Từ đó, chúng ta có thể đối chiếu với năng lực lực của bản thân để có thể lựa chọn nghề nghiệp phù hợp sau này. |

**C. HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ**

**a. Mục tiêu:**

* HS biết cách đưa ra các đánh giá về bản thân và các bạn khác trong lớp.
* HS nhận biết được mức độ hoàn thành và mức độ tham gia các hoạt động theo mục tiêu đề ra.

**b. Nội dung:** GV tổ chức lần lượt các nhiệm vụ cho HS:

* Đánh giá mức độ tham gia của bản thân và các bạn trong các hoạt động.
* Đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ của nhóm.

**c. Sản phẩm:** Hoàn thành phiếu đánh giá.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***Nhiệm vụ 1. Đánh giá mức độ tham gia của em trong các hoạt động bằng cách đánh dấu vào ô phù hợp:***

... Rất tích cực … Tích cực … Chưa tích cực

***Nhiệm vụ 2. Đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ của hoạt động bằng cách đánh dấu x vào ô tương ứng:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Kết quả đạt được/ Mức độ** | **Hoàn thành tốt** | **Hoàn thành** | **Chưa hoàn thành** |
| *1.* ***Đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân đối với từng nhóm nghề*** |  |  |  |
| *2.* ***Đánh giá sự phù hợp giữa phẩm chất, năng lực của bản thân đối với nhóm nghề, nghề lựa chọn*** |  |  |  |
| *3.* ***Chia sẻ kết quả đánh giá*** |  |  |  |

**PHỤ LỤC : KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CÁC NHÓM CHIA SẺ ĐẶC TRƯNG TỪNG NHÓM NGHỀ ĐÃ LẬP HOẠT ĐỘNG 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **NHÓM NGHỀ: Nghệ thuật** | |
| Tên một số nghề | Ca sĩ, diễn viên, họa sĩ,... |
| Đặc trưng về tính chất công việc | Sáng tạo, thể hiện cảm xúc và tư duy sáng tạo qua nghệ thuật và sáng tác |
| Môi trường lao động | Thường là không gian sáng tạo, mở và thúc đẩy tư duy sáng tạo. |
| Trang phục | Cá nhân hóa, phản ánh cá tính và phong cách riêng |
| Phương tiện, công cụ lao động | Bút, bảng vẽ, máy ảnh, dụng cụ làm việc sáng tạo |

|  |  |
| --- | --- |
| **NHÓM NGHỀ: Nhóm nghề nghiên cứu** | |
| Tên một số nghề | Chuyên gia nhãn khoa, Nhà nghiên cứu các bệnh về ngôn ngữ, chuyên gia tâm lý,... |
| Đặc trưng về tính chất công việc | Tính chất phân tích, nghiên cứu, khám phá thông tin mới và phát triển tri thức |
| Môi trường lao động | Thường là nơi làm việc tĩnh lặng, có thời gian tư duy riêng |
| Trang phục | Thường là trang phục chuyên nghiệp, trang nhã |
| Phương tiện, công cụ lao động | Máy tính, sách, nghiên cứu khoa học, công cụ phân tích |

|  |  |
| --- | --- |
| **NHÓM NGHỀ: Nhóm nghề xã hội** | |
| Tên một số nghề | Giáo viên, phục vụ nhà hàng, cán bộ tổ chức,... |
| Đặc trưng về tính chất công việc | Tương tác với con người, giúp đỡ, tư vấn và làm việc trong các môi trường xã hội. |
| Môi trường lao động | Liên quan đến tương tác xã hội, thường là nơi gặp gỡ và làm việc cùng người khác. |
| Trang phục | Trang phục trang nhã, phù hợp với tương tác xã hội. |
| Phương tiện, công cụ lao động | Điện thoại, máy tính, dụng cụ tương tác xã hội |

|  |  |
| --- | --- |
| **NHÓM NGHỀ: Nhóm nghề kĩ thuật** | |
| Tên một số nghề | Lập trình viên máy tính,kĩ thuật viên chuyên sâu thiết bị ô tô,.... |
| Đặc trưng về tính chất công việc | Thực hiện công việc kĩ thuật, xử lý vấn đề kỹ thuật và sáng tạo mới |
| Môi trường lao động | Thường là nơi làm việc có liên quan đến máy móc, thiết bị kỹ thuật |
| Trang phục | Trang phục bảo vệ, phù hợp với môi trường công nghiệp |
| Phương tiện, công cụ lao động | Máy móc, dụng cụ kỹ thuật |

|  |  |
| --- | --- |
| **NHÓM NGHỀ: Nhóm nghề nghiệp vụ** | |
| Tên một số nghề | Thư ký,.. |
| Đặc trưng về tính chất công việc | Thực hiện nhiệm vụ cụ thể và quy trình công việc trong lĩnh vực chuyên môn |
| Môi trường lao động | Thường là nơi làm việc có các quy trình chuẩn mực |
| Trang phục | Trang phục chuyên nghiệp, phù hợp với công việc cụ thể |
| Phương tiện, công cụ lao động | Dụng cụ và thiết bị liên quan đến công việc chuyên môn |

|  |  |
| --- | --- |
| **NHÓM NGHỀ: Nhóm nghề quản lý** | |
| Tên một số nghề | Chủ doanh nghiệp, chuyên viên PR, quản lý nhân sự. |
| Đặc trưng về tính chất công việc | Lập kế hoạch, quản lý nguồn lực và tạo chiến lược để đạt được mục tiêu tổ chức. |
| Môi trường lao động | Thường là nơi làm việc trong văn phòng, điều hành tổ chức. |
| Trang phục | Trang phục chuyên nghiệp, trang nhã. |
| Phương tiện, công cụ lao động | Chủ doanh nghiệp, chuyên viên PR, quản lý nhân sự. |